

Bản án số: 1202/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 08- 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Vân

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 09 tháng 08 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 515/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1975 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn S, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số xx đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 04 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Cẩm D trình bày: Bà và ông Lê Tấn S tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận E, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157, quyển số 01/2002 ngày 23/10/2002. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn. Ông S không quan tâm đến gia đình, không chia sẻ và động viên những khó khăn của bà D trong cuộc sống về vật chất lẫn tinh thần. Bà D đã nhiều lần cố gắng dung hòa nhưng không có kết quả. Đến nay, mâu thuẫn giữa bà D và ông S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D ly hôn với ông Lê Tấn S.

Về con chung: Bà Duyên khai có 02 người con chung tên là: Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/07/2003 đã trưởng thành; Lê Tấn T, sinh ngày 19/07/2006 khi ly hôn bà D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

2. Bị đơn ông Lê Tấn S tại bản tự khai ngày 17/01/2022 trình bày: Ông và bà D tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận E, TP.H, có 02 con chung là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/07/2003 và Lê Tấn T, sinh ngày 19/07/2006, vợ chồng ông sống hạnh phúc cho đến nay. Nguyên vọng ông S xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Tấn S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp: Không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà D khởi kiện ly hôn với ông Lê Tấn S đây là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Ông Lê Tấn S hiện đang cư trú tại địa chỉ 171/14/9 đường A, Phường B, quận C, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D có đơn xin vắng mặt phiên tòa. Ông Lê Tấn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 157 quyền số: 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm D và ông Lê Tấn S ngày 23 tháng 10 năm 2002 cùng lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà D khai trong quá trình chung sống, do tính tình hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống nên bà D và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông S không quan tâm đến gia đình, không chia sẻ, động viên những khó khăn về vật chất lẫn tinh thần cho bà D trong cuộc sống. Bà D và ông S đã tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Tấn S.

Về phía ông Lê Tấn S trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông S. Ngày 17/01/2022 ông S có đến Tòa án ghi biên bản tự khai và hòa giải. Ông S không muốn ly hôn mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Ông S có nguyện vọng đoàn tụ gia đình và đề nghị Tòa án cho thời gian 03 tháng để vợ chồng bàn bạc và suy nghĩ lại. Tuy nhiên, sau thời gian đó Tòa án triệu tập nhưng ông S không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông S không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông S là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà D và ông S khai có 02 người con chung là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/07/2003 đã trưởng thành; Lê Tấn T, sinh ngày 19/07/2006. Bà D yêu cầu bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Tấn T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tham khảo ý kiến của con, cháu Lê Tấn T có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông S vắng mặt, cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào về người trực tiếp nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành là có cơ sở chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Duyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm D được ly hôn với ông Lê Tấn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 157 quyển số 01/2002 đăng ký ngày 23 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận E, Thành phố H không còn hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 người con chung:

- Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/07/2003 đã trưởng thành;
- Lê Tấn T, sinh ngày 19/07/2006 do bà Nguyễn Thị Cẩm D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không xét.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0028443 ngày 10/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền